

Bản án số: 16/2021/HS-ST
Ngày: 12-04-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Ôn;

Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Khuất Duy Xuân Quý- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 12/04/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/HSST-QĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 30/06/1982 tại xã X, huyện L, tỉnh H. Nơi cư trú: xóm N, xã X, huyện L, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân V (đã chết) và bà Đinh Thị C, sinh năm 1954; vợ con chưa có. Tiền án: Không;

Tiền sự: 01

Ngày 18/11/2019 bị Công an huyện Lạc Sơn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 62/QĐXPCLBB.

Nhân thân bị cáo:

Ngày 13/4/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 55/2005/HSST;

Ngày 11/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 69/2007/HSST;

Ngày 30/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử phạt xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 28/2010/HSST;

Ngày 27/11/2011 bị Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 4141/QĐ-UBND;

Ngày 24/4/2015 bị Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện thời hạn 18 tháng theo quyết định số 1679/QĐ-UBND.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại:* Bùi Hồng P, sinh năm 1987. Nơi cư trú: phố L, xã V, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Quách Thị V, sinh năm 1984. Nơi cư trú: phố L, xã V, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt;

+ Bùi Hồng P, sinh năm 1982. Nơi cư trú: phố L, xã V, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bùi Văn T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h 00 phút ngày 25/6/2020 anh Bùi Hồng P đến nhà anh trai là Bùi Hồng P tại phố L, xã V, huyện L, tỉnh H và mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28FZ – 130.74, là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Quách Thị V và anh Bùi Hồng P (là anh trai và chị dâu của anh P). Khoảng 13h00' cùng ngày, anh P điều khiển chiếc xe mô tô nói trên đi đến khu vực cầu V thuộc thị trấn V, huyện L, tỉnh H thì gặp Nguyễn Xuân Đ. Anh P cho Đ đi nhờ xe và điều khiển xe chở Đ đi đến nhà anh Bùi Văn T, tại xóm T, xã Y, huyện L, tỉnh H. Đến nơi, anh P dựng xe ngoài sân nhà anh T, chìa khóa xe vẫn cắm tại ổ khóa điện, sau đó cả hai vào nhà anh T ngồi uống nước. Khoảng 30 phút sau, thấy anh P ra phía sau để đi vệ sinh, quan sát thấy chìa khóa xe vẫn cắm tại ổ khóa điện nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mang đi cầm cố. Bị cáo ngồi lên yên xe nổ máy và điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, bị cáo mang xe mô tô đến khu vực thành phố H cầm cố cho một người đàn ông không quen biết lấy số tiền 500.000 đồng dùng vào việc mua ma túy sử dụng cho bản thân và

chi tiêu cá nhân hết. Tài sản đã được anh Bùi Hồng P chuộc lại với số tiền 600.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 23/HĐ-HĐĐG ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình kết luận: *“xe mô tô nhãn hiệu CUPJIPAND, màu sơn xanh, biển kiểm soát 28FZ – 130.74, tình trạng đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm phạm trị giá 4.333.333 đồng”*.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, Nguyễn Xuân Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với vật chứng thu giữ, tài liệu thu thập được.

Theo Bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chủ sở hữu tài sản là chị Quách Thị V và anh Bùi Hồng P đã chuộc lại tài sản và không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên đề nghị HĐXX không đề cập.

Đối với người đàn ông đã nhận cầm cố xe mô tô, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lạc Sơn tiếp tục xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo không có lời bào chữa.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Xuân Đ tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận

giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/6/2020 tại khu vực xóm T, xã Y, huyện L, tỉnh H, lợi dụng việc sơ hở của người được giao quản lý tài sản là anh Bùi Hồng P, bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã có hành vi Trộm cắp xe mô tô biển kiểm 28FZ – 130.74 trị giá 4.333.333 đồng (xác định tại thời điểm tài sản bị xâm phạm) thuộc sở hữu của chị Quách Thị V và anh Bùi Hồng P.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, thấy trước được hậu quả có thể xảy ra nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên vẫn cố tình thực hiện- lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu:

Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 18/11/2019 bị Công an huyện Lạc Sơn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 62/QĐXPCLBB.

Ngày 13/4/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 55/2005/HSST;

Ngày 11/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 69/2007/HSST;

Ngày 30/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử phạt xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 28/2010/HSST;

Ngày 27/11/2011 bị Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 4141/QĐ-UBND;

Ngày 24/4/2015 bị Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện thời hạn 18 tháng theo quyết định số 1679/QĐ-UBND.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có trình độ văn hóa thấp; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo; bản thân bị cáo là người bị nhiễm HIV. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

[5] *Về hình phạt chính:* Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; Căn cứ tiền án, tiền sự, nhân thân bị cáo; Căn cứ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly xã hội một thời gian đối với bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy và bị nhiễm HIV, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Chủ sở hữu tài sản là chị Quách Thị V và anh Bùi Hồng P đã chuộc lại tài sản và không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện và không trái đạo Đ xã hội của chủ sở hữu tài sản nên HĐXX chấp nhận.

Đối với người đàn ông đã nhận cầm cố xe mô tô, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lạc Sơn tiếp tục xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác.

[9] Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định các 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án- ngày 12/04/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định bắt và tạm giam bị cáo Nguyễn Xuân Đ 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

2. Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai tại nơi cư trú của họ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Xuất Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

b. Đối với các tài sản khác: Trường hợp người phạm tội chiếm đoạt tài sản rồi bán tài sản đó, thì số tiền thu được do bán tài sản không bị tịch thu mà được trừ vào khoản phải bồi thường; nếu thiếu thì phải bồi thường thêm cho đủ, nếu còn thừa thì áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền thừa đó.

– Đối với vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì được xử lý bằng biện pháp tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có là những tiền bạc, tài sản người phạm tội có được do thực hiện hành vi phạm tội **mà không phải là do chiếm đoạt được của người khác**. Ví dụ, tiền bạc, tài sản người phạm tội có được do buôn lậu, mua bán ma túy, kinh doanh trái phép, mua bán hàng giả... Bên cạnh đó, tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có còn là tiền bạc, tài sản mà người phạm tội có được do chiếm đoạt tiền bạc, tài sản của người khác rồi sau đó dùng đầu tư vào lĩnh vực nào đó và có lợi nhuận. Ví dụ, một người chiếm đoạt tài sản là tiền rồi dùng tiền đó mua vé xổ số và trúng thưởng thì số tiền trúng thưởng xổ số đó cũng được xem là tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có và sẽ bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

2. Đối với công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc **tiền** thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc **sử dụng trái phép**, thì không tịch thu mà được trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (khoản 2 Điều 47 BLHS 2015). Trừ trường hợp cá nhân, tổ chức nêu trên có lỗi trong việc để người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm thì **có thể** bị tịch thu sung ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy (khoản 3 Điều 47 BLHS 2015).

khoản 3 Điều 47 BLHS 2015): Điều luật quy định "...có thể bị tịch thu" tức là cho phép Tòa án quyết định việc tịch thu hay không tịch thu. Trong trường hợp này, Tòa án cần xác định rõ lỗi của người có vật, tiền để người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, ví dụ như sự thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng và bảo vệ tài sản của mình để người phạm tội sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm thì ngoài việc có thể bị tịch thu tiền, vật, hành vi của chủ sở hữu tài sản còn có thể xem xét để xác định vai trò đồng phạm – giúp sức về vật chất.

HỘI THẨM NHÂN DÂN.

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Thiệu Bùi Văn Ôn

Lê Thị Hồng

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾
xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS
ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (bị cáo):

⁽¹¹⁾ sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....
Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....;
con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con;⁽¹²⁾ tiền
án....., tiền sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú.....,
nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾

.....
- Bị hại:⁽¹⁷⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾

.....
- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾

.....
- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾

.....
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
đến vụ án:⁽²⁴⁾

.....
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
sự,.....):⁽²⁵⁾

.....
- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....
.....
.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....

.....
[2].....

.....
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾

.....
(30)

.....
(31)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó

và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

CHỦ TỌA

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

